

**CÔNG TY CP NTACO**

Số: 05/2022/CV-CBTT  
V/v Công bố thông tin

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Giang, ngày 16 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Mã chứng khoán: ATA

Trụ sở Công ty: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: 0763.931477

Người thực hiện công bố thông tin: Vương Kim Quyên

Địa chỉ: 99 Hùng Vương, KCN Mỹ Quý, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0763.931477

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021 của Công Ty CP NTACO.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm

**Người thực hiện công bố thông tin**



**Vương Kim Quyên**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Năm báo cáo: 2021

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần NTACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600513044
- Vốn điều lệ: 119.999.980.000 đồng (*Một trăm mười chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 119.999.980.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 99 Hùng Vương , KCN Mỹ Quý , Phường Mỹ Quý , TP Long Xuyên , An Giang.
- Số điện thoại: 02963. 601 255
- Số fax: 02963. 931 797
- Website: [www.ntacocorp.com.vn](http://www.ntacocorp.com.vn)
- Mã cổ phiếu: ATA.

#### 2. Quá trình hình thành và phát triển.

- Ngày 11/04/2007 Công ty cổ phần NTACO thành lập với vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh số 5203000066 do sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 11/04/2007.
- Ngày 08 tháng 09 năm 2009 Công ty chính thức niêm yết 10.000.000 cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là ATA.
- Năm 2011 Công ty tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 đồng lên 119.999.980.000 đồng và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành số : 16000513044 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 05 năm 2012.
- Tại Đại hội cổ đông ngày 03 tháng 11 năm 2015 Công ty đã bầu lại nhân sự chủ chốt và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 6 ngày 12 tháng 11 năm 2015.

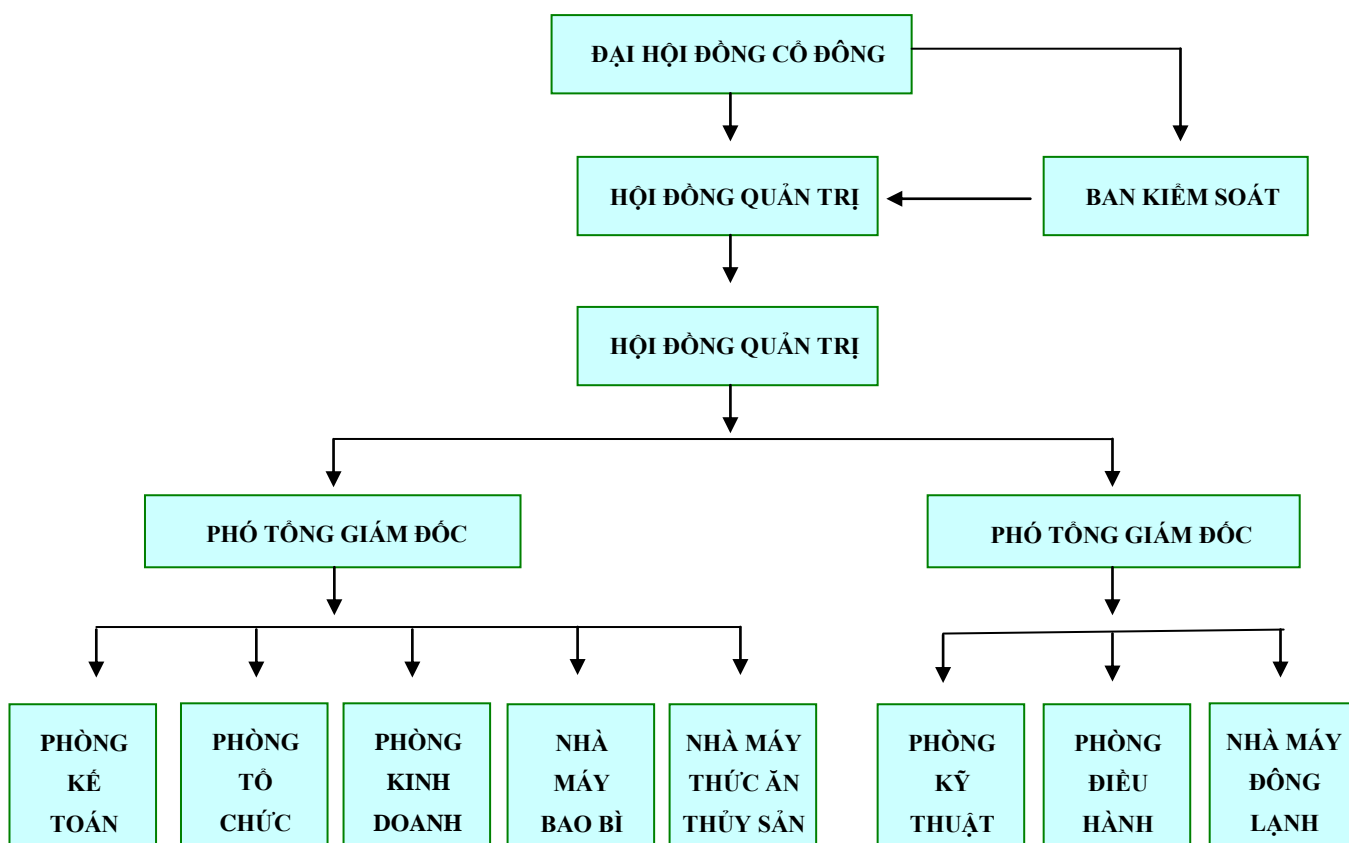
#### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Chế biến thủy sản , sản xuất thức ăn thủy sản , sản xuất mua bán bao bì giấy, bao bì PE,PP, chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá , mỡ cá , nuôi cá, mua bán cá và thủy sản ...
- **Địa bàn kinh doanh:** Ngành chế biến cá tra xuất khẩu trong và ngoài nước.

#### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị Công ty gồm:** Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

#### Cơ cấu bộ máy quản lý.



#### 5. Định hướng phát triển

- Mục tiêu và chiến lược: Phát triển Công ty trong thời gian tới là trở thành công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nằm trong top đầu các Công ty xuất khẩu thủy sản.
- Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Là ngành cần nhiều lao động , hiện công ty đang tạo việc làm cho hơn 500 lao động trong nước . Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy đông lạnh và vùng nuôi thủy sản để đảm bảo nguồn nước thải không ảnh hưởng đến môi trường.

**6. Các rủi ro:** Kinh tế còn trong giai đoạn khó khăn , nên rủi ro lớn nhất hiện tại là việc thanh toán tiền hàng từ nước ngoài . Tuy nhiên, rủi ro này cũng được hạn chế vì phần lớn khách hàng của Ntaco trong thời điểm này là những khách hàng quen biết, có quan hệ thường xuyên và lâu năm.

## **II . Tình hình hoạt động trong năm.**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

<b>Khoản mục</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>
Doanh thu thuần	900.000.000	1.353.943.920
Lợi nhuận sau thuế	(5.079.206.907)	(224.179.025)

Lợi nhuận giảm mạnh so với cùng kỳ là do Công ty phải trả nợ tiền vay ngân hàng tồn tại trước đây.

### **2. Tổ chức và nhân sự**

#### **2.1 Danh sách Ban điều hành:**

##### **2.1.1 Hội đồng quản trị.**

###### **a. Chủ tịch hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh Sơn**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001060000191; cấp ngày: 06/02/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0763. 931 931
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty Cổ phần thu nợ Dân An.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**b. Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Trần Minh Trọng**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 351865509, cấp ngày 27/08/2014, tại An Giang.
- Ngày, tháng, năm sinh: 03/02/1990
- Nơi sinh: Vĩnh Thành , Châu Thành, An Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Đông Bình Nhất , Xã Vĩnh Thành , Huyện Châu Thành , An Giang.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 477
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2016 đến nay : Công ty cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị và Kế Toán Trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**c. Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Lê Thị Phương Thảo**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 012854257, cấp ngày 22/02/2006, tại Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 02/03/1992
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 24, ngõ 111/2 Giáp Bát, Hoàng Mai , Hà nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2014 : BBQ Company
  - + Từ 2015 : Apax English center
  - + Từ 2016 đến nay : NTACO company
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

**d. Thành viên Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: **Nguyễn Quốc Cường**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011286216, Nơi cấp : Hà Nội.

- Ngày, tháng, năm sinh: 04/09/1966
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 46/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm , Long Biên , Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2000 đến nay : Công ty Cổ Phần Thu Nợ Dân An – Chi Nhánh Hà Nội.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty Cổ Phần Thu Nợ Dân An – Chi Nhánh Hà Nội .
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

### **2.1.2 Ban Giám đốc**

#### **a. Phó Tổng Giám đốc: Nguyễn Đức Huy**

- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012999489; cấp ngày: 29/12/2007; Nơi cấp: TP Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/04/1991
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: Không
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Quản Lý Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2015: Làm việc ở Công ty Thu Nợ Dân An
  - + Năm 2016: Làm Việc tại Công Ty Việt Việt Nhật.
  - + Năm 2019 đến nay : Công ty cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Phó Tổng Giám Đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

### **2.1.3. Ban kiểm soát**

#### **a. Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Trương Quốc Vinh**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 352094536      cấp ngày: 08/05/2017      Nơi cấp: An Giang
- Ngày, tháng, năm sinh: 08/08/1993
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: lô 14/h Khóm phó quê, Phường mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02963 933 169
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung Cấp kế toán



- Quá trình công tác:
  - + Từ năm 2015 đến năm 2017 : Làm việc tại Công Ty Điện Tử Phú Quý.
  - + Từ năm 2018 đến năm 2019: Làm việc tại MoBiPhone
  - + Từ năm 2019 đến nay là việc tại Công Ty Cp Ntaco
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

#### **b. Thành viên ban kiểm soát**

- Họ và tên: **Cao Tuyết Lan**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 43/61 Nguyễn Sơn, Ngọc Lâm , Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 02963 931 931
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Tin Học
- Quá trình công tác:
  - + Từ 2000 - 2004: Trung tâm tin học PT.
  - + Từ 2005 - 2012: Công ty CP Thương Mại DV Tổng Hợp Và Công Nghệ HTL.
  - + Từ 2013 đến nay: CN. Công ty Đầu Giá hợp danh Đại Nam tại Hà Nội.

- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Việt Việt Nhật.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

### **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Trong năm, Công ty có sự thay đổi Ban điều hành như sau:

<b>Stt</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Lê Thị Phương Thảo	Tổng giám đốc	Miễn nhiệm 19/07/2021
2	Trần Minh Trọng	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm 19/07/2021

### **3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

#### **3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:**

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 317 người, cơ cấu lao động như sau:

<b>Bộ phận</b>	<b>Trình độ</b>	<b>Số CB.CNV</b>	<b>Tỷ trọng</b>
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	0,64%
	Đại học	06	1,89%
	Cao đẳng, trung cấp	01	0,32%
Khối Văn Phòng	Đại Học	06	1,89%
	Cao đẳng, trung cấp	04	1,26%
	Lao Động Phổ Thông	298	94%

	<b>Tổng cộng</b>	<b>317</b>	<b>100,00%</b>
--	------------------	------------	----------------

### 3.2. Chính sách đối với người lao động:

#### a. Chế độ làm việc:

**Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật. Do đặc điểm của sản xuất chế biến thủy sản, người lao động làm việc tại bộ phận thành phẩm và bộ phận kho được chia làm 02 ca / ngày làm việc mỗi ca làm việc 8h. Đối với khối văn phòng và các bộ phận khác chỉ làm việc 1 ca / ngày .

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Đối với công nhân sản xuất sản phẩm đông lạnh, do thường xuyên phải tiếp xúc với môi trường ẩm ướt, lạnh nên Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của nhà nước như: quần, áo, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng ...Đối với công nhân phụ trách điện được công ty trang bị quần áo, găng tay, giày... không dẫn điện và các dụng cụ sử dụng an toàn điện như dây bảo hiểm, thang, kiếm cách điện, mũ an toàn ...

#### b. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

**Tuyển dụng:** Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể cho nhà máy chế biến và từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại Học An Giang, Cần Thơ, Thành Phố Hồ Chí Minh.

**Công Tác đào tạo và nâng cao tay nghề:** Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong nhà máy chế biến cũng như bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với công nhân nhà máy chế biến, Công ty chủ yếu đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc công ty sẽ đài thọ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo về tiêu chuẩn HACCP, đào tạo BRC ( British Retail Consortium) của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc...

#### c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

**Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:** Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Công ty có khu tập thể cho các cán bộ quản lý của nhà máy.

**Bảo hiểm:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp.

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 11.999.998 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng

##### b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ và tên	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Sơn	0.0	0.00%	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Huy	0.0	0,00%	Phó Tổng Giám Đốc
3	Cổ đông khác	11.999.998	100%	
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.999.998</b>	<b>100%</b>	

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) **Các chứng khoán khác:** Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Trong năm 2021 do thiếu vốn kinh doanh, Công ty gặp nhiều khó khăn nợ tồn đọng và không đạt lợi nhuận như trên.

Khoản mục	Kế hoạch 2022	Kết quả 2021
Doanh thu thuần	25.000.000.000	1.353.943.920
Lợi nhuận	2.000.000.000	(224.179.025)

#### 5.1. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2021	Năm 2020
-----------	----------	----------

Tài sản ngắn hạn	10.106.419.131	9.769.467.917
Tài sản dài hạn	16.510.302.871	16.510.302.871
Nợ ngắn hạn	506.949.837.450	506.388.707.211
Nợ dài hạn	-	-

Kết quả trên cho thấy tình hình tài sản Công ty trong năm qua biến động giảm, tài sản ngắn hạn giảm (53.70)%, tài sản dài hạn giảm (40.37)%. Nợ ngắn hạn giảm 0.64%.

**6.2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

**6.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Công ty sẽ dựa trên tình hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

## 5. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình hoạt động thực tế của Công ty từ đó đề ra các quyết định phù hợp. Kết quả kinh doanh chưa đạt được lợi nhuận chỉ tiêu đề ra.

## 6. Quản trị công ty.

### 6.1 Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp năm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	0	0.00%
2	Nguyễn Quốc Cường	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT	0	0.00%
4	Lê Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	0	0.00%

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số: 05/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
2	Số: 03/2021/ĐHĐCĐ - ATA	30/06/2021	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của công ty cp NTACO
3	Số: 07/2021/NQ-HĐQT	17/09/2021	Nghị quyết về việc miễn nhiệm bà Lê Thị phương Thảo – Tổng Giám Đốc và Ông Trần Minh Trọng – kế toán Trưởng
4	Số: 08/2021/NQ-HĐQT	01/11/2021	Nghị Quyết về việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:** Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

## **6.2 Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trương Quốc Vinh	Trưởng Ban	0	0.00%
2	Cao Tuyết Lan	Thành viên	0	0.00%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:** Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

## **6.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2021 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

## **7. Báo Cáo Tài Chính (đính kèm)**

*Long Xuyên, ngày 16 tháng 04 năm 2022*  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



*Nguyễn Thanh Sơn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



---

Tháng 03 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
NTACO

## CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn  
Ông Trần Minh Trọng  
Ông Nguyễn Quốc Cường  
Bà Lê Thị Phương Thảo

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

##### Ban Giám đốc

Bà Lê Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày  
19/07/2021)

Ông Nguyễn Đức Huy

Phó Tổng Giám đốc

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Số: 2450/2022/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng quản trị  
Công ty Cổ phần NTACO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần NTACO (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29/03/2022, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2021 cũng như tại thời điểm kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế do đó Chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị còn lại lần lượt là 13,03 tỷ và 3,48 tỷ đồng.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2021 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả và Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn với số tiền lần lượt khoảng 8,96 tỷ VND; 0,6 tỷ VND; 7,6 tỷ VND; 1,33 tỷ VND; 7,87 tỷ VND; 161,75 tỷ VND và 321,17 tỷ VND. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

Trong năm công ty chưa trích trước các khoản lãi vay quá hạn của các khoản vay ngân hàng Chúng tôi không có bằng chứng và cơ sở để thực hiện ước tính ảnh hưởng của khoản chi phí lãi vay chưa được ghi nhận này đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh An Giang ra thông báo số 2853/TB-CT ngày 05/06/2019 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Mặt khác, tại ngày 31/12/2021, lỗ lũy kế của công ty âm 600.333.095.448 làm vốn chủ sở hữu âm 480.333.115.448 đồng. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.843.418.319 VND Mặt khác các hợp đồng vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán và chúng tôi chưa thu thập được các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên cũng như chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến việc gia hạn các khoản nợ.

Theo đó giả định hoạt động liên tục khi lập Báo cáo tài chính của Công ty bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, báo cáo tài chính kèm theo Công ty vẫn đang lập theo giả định hoạt động liên tục.

**Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội



**ĐỖ THỊ THU HUYỀN – Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Tú.

**TRẦN THỊ THANH TÚ - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1

M.S.C.N.  
Đ  
P  
C  
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.106.419.131</b>	<b>9.769.467.917</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19.061.665</b>	<b>15.054.371</b>
1. Tiền	111		19.061.665	15.054.371
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.506.296.748</b>	<b>9.173.352.828</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	8.964.172.279	7.610.228.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	596.032.343	530.032.343
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.602.388.882	8.689.388.882
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.656.296.756)	(7.656.296.756)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>581.060.718</b>	<b>581.060.718</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		581.060.718	581.060.718
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.510.302.871</b>	<b>16.510.302.871</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16.510.302.871</b>	<b>16.510.302.871</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	13.026.882.871	13.026.882.871
- Nguyên giá	222		97.638.079.587	97.638.079.587
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.611.196.716)	(84.611.196.716)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	3.483.420.000	3.483.420.000
- Nguyên giá	228		3.483.420.000	3.483.420.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.7	1.335.000.000	1.335.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.335.000.000)	(1.335.000.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.616.722.002</b>	<b>26.279.770.788</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cum tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>506.949.837.450</b>	<b>506.388.707.211</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>506.949.837.450</b>	<b>506.388.707.211</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	7.872.501.845	7.872.501.845
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.227.930	67.227.930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	6.313.315.060	5.666.337.749
4. Phải trả người lao động	314		743.268.001	743.268.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	161.751.631.437	161.751.631.437
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	8.789.724.937	8.875.572.009
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	321.171.538.900	321.171.538.900
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		240.629.340	240.629.340
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.13</b>	<b>(480.333.115.448)</b>	<b>(480.108.936.423)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(480.333.115.448)</b>	<b>(480.108.936.423)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.999.980.000	119.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.999.980.000	119.999.980.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(600.333.095.448)	(600.108.916.423)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(600.108.916.423)	(595.029.709.516)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(224.179.025)	(5.079.206.907)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>26.616.722.002</b>	<b>26.279.770.788</b>

Nguyễn Thanh Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
Phụ trách kế toánTrần Minh Trọng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.353.943.920	900.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.353.943.920</b>	<b>900.000.000</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	967.102.800	3.317.090.316
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>386.841.120</b>	<b>(2.417.090.316)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	64.680	7.308
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	611.084.825	2.662.123.899
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(224.179.025)</b>	<b>(5.079.206.907)</b>
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(224.179.025)</b>	<b>(5.079.206.907)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(224.179.025)</b>	<b>(5.079.206.907)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.6</b>	<b>(19)</b>	<b>(423)</b>



Nguyễn Thanh Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
Phụ trách kế toán

Trần Minh Trọng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(224.179.025)	(5.079.206.907)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	3.969.569.682
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.680)	(7.308)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(224.243.705)	(1.109.644.533)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(265.715.990)	(8.844.985.158)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		493.902.309	9.941.242.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.942.614	(13.386.931)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.680	7.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		64.680	7.308
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.007.294	(13.379.623)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.054.371	28.433.994
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.061.665	15.054.371



Nguyễn Thanh Sơn  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
Phụ trách kế toán

Trần Minh Trọng  
Người lập biểu



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Đăng ký doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần NTACO (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH Tuấn Anh - Thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 5202000016 ngày 15 tháng 08 năm 2000 và Giấy phép kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2004.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1600513044 ngày 11 tháng 04 năm 2007, thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 09 tháng 06 năm 2017.

**Địa chỉ trụ sở chính của công ty:**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý), Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**Vốn điều lệ: 119.999.980.000 VND.**

**Hoạt động chính của Công ty là:**

Chế biến thủy sản; chế biến và kinh doanh phụ phẩm bột, xương cá, mỡ cá; Nuôi cá; Mua bán cá và thủy sản; Sản xuất thức ăn chăn nuôi; Chế biến, mua bán nông sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản (doanh nghiệp phải đảm bảo trong suốt quá trình hoạt động vốn chủ sở hữu không được thấp hơn 06 tỷ đồng).

Hoạt động chính của công ty trong năm 2021 là chế biến các sản phẩm và phụ phẩm liên quan đến cá tra.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**1. Thông tin về hoạt động liên tục**

Năm 2021, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ 224.179.025 VND, lỗ lũy kế 600.333.095.448 đồng làm vốn chủ sở hữu âm 480.333.115.448 đồng. Tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 496.843.418.319 đồng

Công ty nhận được kết quả bản án sơ thẩm liên quan đến vụ kiện cho khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang. Theo bản án, Công ty có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng và lãi đến hạn, quá hạn là: 152.184.436.609 đồng. Ngoài ra công ty còn có các khoản nợ gốc vay Ngân hàng khác đã đến hạn nhưng chưa có khả năng chi trả.

Các yếu tố trên dẫn tới sự nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã và đang xúc tiến kế hoạch kinh doanh mới, tìm kiếm khách hàng và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tái khởi động lại hoạt động gia công xuất khẩu cá phi lê và duy trì việc cho thuê nhà xưởng, kho đông lạnh nhà rỗng để tạo nguồn thu thanh toán các nghĩa vụ đến hạn. Công ty đã xây dựng phương án tái cấu trúc lại hoạt động và thương thảo với các ngân hàng để tái cơ cấu lại các khoản nợ vay để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**3. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

***Đầu tư vào các công ty con***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư khác***

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính***

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư

**3. Các khoản phải thu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

**Nợ phải thu quá hạn thanh toán:**

**Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

**Nợ phải thu khác:**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-45
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**8. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

**9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Thuế**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	5.296.436	847.922
Tiền gửi ngân hàng	13.765.229	14.206.449
<b>Cộng</b>	<b>19.061.665</b>	<b>15.054.371</b>

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Global Trading Ltd.,	4.182.076.555	(4.182.076.555)	4.182.076.555	(4.182.076.555)
- Công ty Cổ phần Thiết kế nội thất Nam Tiến	1.353.943.920	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	1.246.270.000	-	1.246.270.000	-
- Phải thu khác	2.181.881.804	(2.181.881.804)	2.181.881.804	(2.181.881.804)
<b>Cộng</b>	<b>8.964.172.279</b>	<b>(6.363.958.359)</b>	<b>7.610.228.359</b>	<b>(6.363.958.359)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**Phải thu của khách hàng là Bên liên quan**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	1.246.270.000	1.246.270.000
<b>Cộng</b>	<b>1.246.270.000</b>	<b>1.246.270.000</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia I.D.I	177.969.960	(177.969.960)	177.969.960	(177.969.960)
- Trung tâm Đào tạo và Xúc tiến Thương mại Vasep	84.463.227	(84.463.227)	84.463.227	(84.463.227)
- Các khoản khác	333.599.156	(211.328.987)	267.599.156	(211.328.987)
<b>Cộng</b>	<b>596.032.343</b>	<b>(473.762.174)</b>	<b>530.032.343</b>	<b>(473.762.174)</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Tạm ứng	233.653.997	(233.653.997)	233.653.997	(233.653.997)
- Phải thu khác	7.368.734.885	(584.936.226)	8.455.734.885	(584.936.226)
+ Ông Nguyễn Thanh Sơn	6.783.798.659	-	7.870.798.659	-
+ Các khoản khác	584.936.226	(584.936.226)	584.936.226	(584.936.226)
<b>Cộng</b>	<b>7.602.388.882</b>	<b>(818.590.223)</b>	<b>8.689.388.882</b>	<b>(818.590.223)</b>

**Trong đó Phải thu khác là Bên liên quan**

Ông Nguyễn Thanh Sơn	6.783.798.659	-	7.870.798.659	-
----------------------	---------------	---	---------------	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
Số dư cuối năm	33.895.946.021	62.518.411.810	579.163.636	644.558.120	97.638.079.587
<b>GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	24.092.881.352	59.294.593.608	579.163.636	644.558.120	84.611.196.716
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	24.092.881.352	59.294.593.608	579.163.636	644.558.120	84.611.196.716
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871
Tại ngày cuối năm	9.803.064.669	3.223.818.202	-	-	13.026.882.871

**6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****7. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
Công ty Cổ phần Âu Việt (*)	1.335.000.000	-	(1.335.000.000)	1.335.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.335.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.335.000.000)</b>	<b>1.335.000.000</b>

(\*) Góp vốn vào ông ty CP Âu Việt với tỷ lệ 15% vốn điều lệ của Công ty.

(\*\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**8. Phải trả người bán**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Âu Việt	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Gentraco	873.459.321	873.459.321	873.459.321	873.459.321
- Công ty TNHH Xây dựng Phúc Thiện	112.320.000	112.320.000	112.320.000	112.320.000
- Các khoản phải trả người bán khác	886.722.524	886.722.524	886.722.524	886.722.524
<b>Cộng</b>	<b>7.872.501.845</b>	<b>7.872.501.845</b>	<b>7.872.501.845</b>	<b>7.872.501.845</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Phải nộp đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.244.535.520	-	-	1.244.535.520
Thuế thu nhập cá nhân	2.398.000	-	2.398.000	-
Thuế tài nguyên	6.600.000	-	-	6.600.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.855.954.240	304.741.080	-	3.160.695.320
Các loại thuế khác	1.556.849.989	344.634.231	-	1.901.484.220
<b>Cộng</b>	<b>5.666.337.749</b>	<b>649.375.311</b>	<b>2.398.000</b>	<b>6.313.315.060</b>

**10. Chi phí phải trả**

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả	161.751.631.437	161.751.631.437
<b>Cộng</b>	<b>161.751.631.437</b>	<b>161.751.631.437</b>

**11. Các khoản phải trả khác**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải trả khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	26.594.000	26.594.000
- Bảo hiểm xã hội	-	85.847.072
- Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	8.558.000.000	8.558.000.000
- Ông Trần Minh Trọng	205.130.937	205.130.937
<b>Cộng</b>	<b>8.789.724.937</b>	<b>8.875.572.009</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Mẫu số B 09 - DN****12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN An Giang (i)	236.613.778.977	-	-	-	236.613.778.977	-
- Ngân hàng NN&PTNT - CN An Giang (ii)	25.126.740.856	-	-	-	25.126.740.856	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN An Giang (iii)	53.317.842.389	-	-	-	53.317.842.389	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN An Giang (iv)	3.512.715.551	-	-	-	3.512.715.551	-
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN An Giang (v)	1.600.461.127	-	-	-	1.600.461.127	-
- Vay cá nhân ông Dương Thái Nguyên (vi)	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>321.171.538.900</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>321.171.538.900</b>	<b>-</b>

(i): Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng hạn mức số 201/2010/NHNT.AG ngày 15/6/2010 và các Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng 201/2010/NHNT.AG). Với mục đích cho vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng làm việc, máy móc thiết bị.

(ii): Vay Ngân hàng NN&PTNT tỉnh An Giang theo Hợp đồng tín dụng số 47/2013/HĐTD ngày 22/5/2013. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian vay tính theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, chế biến. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất, nhà máy, văn phòng, hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản số 47B/HĐTC ngày 22/5/2013.

(iii): Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 48/2014/HĐTDXH-NHPT-ĐT.AG ngày 19/5/2014. Mục đích vay để thực hiện phương án kinh doanh mặt hàng xuất khẩu cá tra. Lãi suất vay theo từng Kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba và các tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv): Vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng - CN An Giang theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 068/2010/HĐTD-DN.LX ngày 20/05/2010 và các hợp đồng sửa đổi cấp hạn mức tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Hình thức bảo đảm tiền vay là hàng hóa tồn kho cá thành phẩm.

(v): Vay theo Ngân hàng TMCP Quốc Tế theo Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 0015/HDDNT2-VIB621/11 ngày 16/03/2011 và các Phụ lục hợp đồng. Hạn mức 9 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh cá tra, basa fillet xuất khẩu. Lãi suất vay theo từng thời điểm nhận nợ. Hình thức bảo đảm là hàng tồn kho, dây chuyền sản xuất từ cá phế phẩm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NTACO**

Số 99 Hùng Vương (Cụm tiêu thụ công nghiệp Mỹ Quý),  
P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31 tháng 12 năm 2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

(vi): Đây là các khoản vay từ các cá nhân phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là dưới 12 tháng. Lãi suất từ 1% đến 1,2%/tháng.

Trong năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên đã tuyên bản án vụ kiện giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh An Giang và Công ty Cổ phần NTACO và tiến hành phát mãi đấu giá một số tài sản cầm cố thế chấp để thu hồi gốc vay.

Đồng thời, ngày 29/10/2019 Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên cũng tuyên bản án sơ thẩm số 08/2019/KDTM-ST về việc buộc Công ty Cổ phần NTACO có nghĩa vụ phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền gốc 236.613.778.977 đồng; lãi trong hạn là 149.603.789.897 đồng và lãi quá hạn là: 2.580.646.712 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**13. Vốn chủ sở hữu**

**13.1 Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>			
Số dư đầu năm	119.999.980.000	(595.029.709.516)	(475.029.729.516)
Lỗ trong năm	-	(5.079.206.907)	(5.079.206.907)
Số dư cuối năm	119.999.980.000	(600.108.916.423)	(480.108.936.423)
<b>NĂM NAY</b>			
Số dư đầu năm	119.999.980.000	(600.108.916.423)	(480.108.936.423)
Lỗ trong năm		(224.179.025)	(224.179.025)
Số dư cuối năm	119.999.980.000	(600.333.095.448)	(480.333.115.448)

**13.2 Cổ phiếu**

	<u>Cuối năm</u> Cổ phiếu	<u>Đầu năm</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.999.998	11.999.998
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.999.998	11.999.998
Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.999.998	11.999.998
Cổ phiếu phổ thông	11.999.998	11.999.998
Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.353.943.920	900.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.353.943.920</u></b>	<b><u>900.000.000</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của phụ phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	967.102.800	3.317.090.316
<b>Cộng</b>	<b><u>967.102.800</u></b>	<b><u>3.317.090.316</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	64.680	7.308
<b>Cộng</b>	<b><u>64.680</u></b>	<b><u>7.308</u></b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	-	625.420.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	652.479.366
Thuế, phí và lệ phí	609.578.925	1.061.662.587
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.505.900	-
Chi phí bằng tiền khác	-	322.561.946
<b>Cộng</b>	<b><u>611.084.825</u></b>	<b><u>2.662.123.899</u></b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	(224.179.025)	(5.079.206.907)
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	(224.179.025)	(5.079.206.907)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>(224.179.025)</b>	<b>(5.079.206.907)</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu số B 09 - DN**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

-

-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(224.179.025)	(5.079.206.907)
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(224.179.025)	(5.079.206.907)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	11.999.998	11.999.998
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(19)</b>	<b>(423)</b>

**7. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	-	625.420.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	3.969.569.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.505.900	-
Chi phí khác bằng tiền	609.578.925	1.384.224.533
<b>Cộng</b>	<b>611.084.825</b>	<b>5.979.214.215</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**1.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	Ông Nguyễn Thanh Sơn là đồng chủ tịch HĐQT
Công ty CP Thu Nợ Dân An -CN HCM	Ông Nguyễn Thanh Sơn chủ tịch HĐQT công ty đồng thời là giám đốc Công ty CP thu nợ Dân An
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Minh Trọng	Thành viên HĐQT

**1.2 Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	Phải trả khác	8.583.000.000	8.583.000.000
Công ty CP Đầu tư Việt Việt Nhật	Phải thu khách hàng	1.246.270.000	1.246.270.000
Trần Minh Trọng	Phải trả khác	205.130.937	205.130.937

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**2. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm Công ty chỉ cung cấp một dịch vụ bán phụ phẩm cá tra tại An Giang. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

**3. Công cụ tài chính**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.061.665	15.054.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.384.026.579	9.117.082.659
Đầu tư dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.403.088.244</b>	<b>9.132.137.030</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	321.171.538.900	321.171.538.900
Phải trả người bán và phải trả khác	16.662.226.782	16.748.073.854
Chi phí phải trả	161.751.631.437	161.751.631.437
<b>Cộng</b>	<b>499.585.397.119</b>	<b>499.671.244.191</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**3.2. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.  
Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**3.3. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

**3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Các khoản vay	321.171.538.900	-	321.171.538.900
Phải trả người bán và phải trả khác	16.662.226.782	-	16.662.226.782
Chi phí phải trả	161.751.631.437	-	161.751.631.437
<b>Cộng</b>	<b>499.585.397.119</b>	<b>-</b>	<b>499.585.397.119</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	321.171.538.900	-	321.171.538.900
Phải trả người bán và phải trả khác	16.748.073.854	-	16.748.073.854
Chi phí phải trả	161.751.631.437	-	161.751.631.437
<b>Cộng</b>	<b>499.671.244.191</b>	<b>-</b>	<b>499.671.244.191</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.061.665	-	19.061.665
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.384.026.579	-	9.384.026.579
Đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.403.088.244</b>	<b>-</b>	<b>9.403.088.244</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.054.371	-	15.054.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.117.082.659	-	9.117.082.659
Đầu tư dài hạn	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.132.137.030</b>	<b>-</b>	<b>9.132.137.030</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

**4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**5. Cam kết hoạt động**

Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2021.

**6. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2021.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Thanh Sơn  
Chủ tịch HĐQT  
Ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trần Minh Trọng  
Phụ trách kế toán

Trần Minh Trọng  
Người lập biểu

